

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN MỸ THUẬT

I BUI QUANG KHÁNH

Email: buiquangkhanh@uad.edu.vn

Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

DEVELOPING CRITICAL THINKING SKILLS FOR ART STUDENTS

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, Tư duy Phản biện ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với sự phát triển của con người và xã hội. Với sinh viên ngành mỹ thuật và thiết kế sáng tạo, tư duy phản biện càng có ý nghĩa thiết thực, giúp người học vượt ra khỏi cách suy nghĩ theo khuôn mẫu, thói quen có sẵn đã định hình từ bậc học phổ thông, thoát khỏi những rào cản cảm tính duy lý và định kiến, nỗ lực tìm cách tiếp cận phi truyền thống, từ đó tập trung tìm cách phát hiện những giá trị mới của những chủ đề tưởng như đã cũ.

Từ khóa: Chất lượng hiệu quả, Tiếng Anh, học sinh, sinh viên, Trường Cao đẳng nghề Sóc Trăng

ABSTRACT

In recent years, Critical Thinking has played an increasingly important role for people and society. For students majoring in art and creative design, critical thinking becomes more and more practical, helping them to go beyond the stereotyped way of thinking, built-in habits that have been shaped since high school, break out of the barriers of rationality and prejudice, try to find a non-traditional approach, thereby focusing on discovering new values of seemingly old topics.

Keywords: Critical thinking, education, arts, creative design

1. Mở đầu

Giáo dục ở trình độ đại học có nhiệm vụ đào tạo và chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp mà họ đã lựa chọn trong một xã hội biến đổi không ngừng. Chính vì vậy, vai trò của giảng viên trong việc định hướng sinh viên tự đặt câu hỏi, tự tìm câu trả lời, chủ động đối chiếu nhận thức của bản thân với môi trường xung quanh là tối quan trọng. Theo Borg (1952), so với sinh viên các khối trường khác, những sinh viên theo học ngành mỹ thuật và thiết kế sáng tạo thường có xu hướng thể hiện sự nhạy cảm, tự do, giàu trí tưởng tượng, phóng khoáng và thẳng thắn hơn trong việc bộc lộ quan điểm cá nhân. Họ suy nghĩ và thể hiện bản thân theo những cách sáng tạo, độc đáo; có mong muốn thoát khỏi ranh giới giải quyết các vấn đề theo cách thông thường; khám phá các phương pháp mô tả ý tưởng và cảm xúc; có tâm lý tò mò, chấp nhận rủi ro không cần biết kết quả sẽ thế nào, đặc biệt là, cái tôi cá nhân rất lớn dẫn tới đôi khi đánh giá vấn đề còn mang nặng tính duy lý. Bên cạnh đó, sinh viên ngành thiết kế sáng tạo thường có óc phê bình bẩm sinh. [1] Chính vì vậy, với sự dẫn dắt đúng đắn của giảng viên, sinh viên sẽ được rèn giữa cái nhìn đa chiều trước mọi vấn đề cần giải quyết trong học tập, nghiên cứu khoa học, trong cuộc sống, tránh được hiện tượng nhìn

nhận, xem xét vấn đề thuần túy dựa vào cảm tính, phiến diện.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm tư duy phản biện

Cho đến nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về tư duy phản biện nhưng hầu hết những định nghĩa này đều có những từ khóa và đặc điểm chung nhất định. Bài viết này sẽ sử dụng định nghĩa được đưa ra bởi Richard Paul và Michael Scriven (1987) như sau: Tư duy phản biện là một quá trình có kỷ luật về trí tuệ nhằm chủ động và khéo léo hình thành khái niệm, áp dụng, phân tích, tổng hợp và/ hoặc đánh giá thông tin thu thập hoặc được tạo ra từ quan sát, kinh nghiệm, phản ánh, lý luận hoặc giao tiếp, như một hướng dẫn cho niềm tin và hành động. Ở dạng mẫu mực, nó dựa trên các giá trị trí tuệ phổ quát vượt lên trên các bộ phận của chủ đề: rõ ràng, chính xác, chính xác, nhất quán, liên quan, bằng chứng xác thực, lý do chính đáng, chiều sâu, bề rộng và công bằng. Tư duy phản biện đòi hỏi việc kiểm tra các cấu trúc hoặc các yếu tố của suy nghĩ tiềm ẩn trong tất cả các lý luận: mục đích, vấn đề, hoặc câu hỏi tại vấn đề; giả định; các khái niệm; nền tảng kinh nghiệm; suy luận dẫn đến kết luận; hệ lụy và hậu quả; phản đối dựa vào quan điểm khác; và khung tham chiếu. [2]

EDUCATION

Về bản chất, tư duy phản biện bắt đầu với các chiến lược đặt câu hỏi. Để áp dụng những chiến lược này trong giảng dạy, có thể tìm đến cha đẻ của tư duy phản biện là Socrates. Phương pháp Socrate dạy bằng cách hỏi, không phải nói. Là một phép biện chứng được hoàn thành bởi câu trả lời sinh viên, phương pháp này tác động vào quá trình suy nghĩ và cho phép người học đạt được các kỹ năng cơ bản cần thiết để đưa ra các câu hỏi hoặc kết luận khác. Nhiều ý kiến cho rằng Phương pháp Socrate có thể được áp dụng cho bất kỳ môn học nào và bất kỳ chương trình giảng dạy nào bởi nó cho phép sinh viên học bằng cách đặt câu hỏi của chính mình và tự khám phá câu trả lời của mình. Điều này không làm suy yếu mà ngược lại, thay đổi vai trò của giảng viên - họ trở thành người dẫn dắt và hướng dẫn sinh viên. Tùy thuộc vào chủ đề, các câu hỏi có thể được thiết kế một cách khéo léo để gợi ra phản ứng thích hợp ở sinh viên. Một khía cạnh quan trọng trong việc áp dụng phương pháp đặt câu hỏi này là nếu sử dụng một yếu tố kích thích phù hợp sẽ tạo ra đủ hứng thú cho người học bắt đầu quá trình tiếp thu kiến thức.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong một nền văn hóa trực quan, vì vậy quá trình học tập có thể bắt đầu bằng cách kích thích nào tốt hơn là bằng hình ảnh? Vấn đề tiếp theo là nên sử dụng loại kích thích thị giác nào và tại sao? Các lựa chọn là vô hạn, vì vậy để thu hẹp chúng, cần chọn ra một kích thích thị giác có thể đáp ứng các tiêu chí nhất định. Nhưng những tiêu chí này là gì? Để có câu trả lời cho câu hỏi này, theo Mark (2008), cần phải nhìn lại mối tương quan giữa quá trình học tập và tư duy phản biện. Yếu tố kích thích phải là kích thích có thể được sử dụng để thúc đẩy quá trình tư duy, kích thích sau đó sẽ cho phép người suy nghĩ hiểu sâu hơn quá trình này và áp dụng nó trong toàn bộ chương trình học. Nghiên cứu này sẽ sử dụng các tác phẩm của danh họa Rembrandt làm yếu tố kích thích thị giác để xây dựng một ví dụ mẫu trong việc khơi gợi tư duy phản biện cho sinh viên trong quá trình học tập. [3]

2.2. Tư duy phản biện với sinh viên ngành mỹ thuật

2.2.1. Mối quan hệ của tư duy phản biện với thẩm mỹ

Thẩm mỹ và tư duy phản biện có mối quan hệ trực tiếp với nhau. Để xác định mối quan hệ này, trước tiên phải thống nhất được định nghĩa thẩm mỹ và cách thuật ngữ này được sử dụng trong các ví dụ làm mẫu. Thẩm mỹ - nếu sử dụng như một danh từ - thường đề cập đến định nghĩa "triết học", cụ thể là "một tập hợp các nguyên tắc liên quan đến bản chất và đánh giá cao về đẹp." Theo Hagaman (1990), tính từ thẩm mỹ như trong cụm từ "đánh giá thẩm mỹ" "là một phương pháp phê bình nghệ thuật, phản hồi trước một tác phẩm hoặc nội dung tác phẩm cụ thể." [4]

Trong ngữ cảnh của tư duy phản biện, thảo luận về nghệ thuật của danh họa Rembrandt bao gồm việc đề cập đến cái đẹp và bản chất của nó. Ví dụ, khi nói về phong cảnh của Rembrandt, có thể dễ dàng hướng sinh viên đến câu hỏi về vẻ đẹp và bản chất của nó thông qua quan sát, mô tả, phân tích và/ hoặc đánh giá. Ở đây chúng ta sẽ xem xét thẩm mỹ như một danh từ bằng cách phân tích các hàm ý triết học trong tác phẩm của Rembrandt. Khi sử dụng thẩm mỹ như một tính từ, theo quan điểm của Harry S. Broudy (1994), đánh giá thẩm mỹ cần dựa trên bốn yếu tố là: tính chất cảm quan, tính chất hình thức, tính chất biểu cảm và tính chất kỹ thuật. [5] Các yếu tố này tương ứng với bốn kỹ năng tư duy phản biện: Mô tả, Phân tích, Suy luận và Kết luận.

Lý do cốt yếu để sử dụng các tác phẩm của danh họa Rembrandt làm cơ sở kích thích thị giác và cơ sở của ví dụ mẫu là do tính nhân văn sâu sắc thể hiện qua cuộc đời và tư tưởng nghệ thuật của ông. Sau đây là những lý do tại sao Rembrandt - một danh họa có sức hấp dẫn phổ quát và có chiều sâu về nghệ thuật - lại thích hợp để sử dụng như một phương tiện kích thích thị giác để phát triển tư duy phản biện:

- Tên tuổi phổ biến trên toàn thế giới (trong suốt bốn thế kỷ)
- Là một họa sỹ có khối lượng tác phẩm khổng lồ (khoảng 600 bức tranh, 300 bản phác thảo, 2000 bản vẽ)
- Sáng tạo các kỹ thuật mới (ví dụ kỹ thuật lấy sáng - tối, chế bản in, thử nghiệm...)
- Là nhân vật điển hình của thời đại của mình
- Chủ đề tác phẩm (chân dung, lịch sử, phong cảnh)
- Chủ đề triết học
- Tài liệu tham khảo lịch sử và kinh thánh
- Sự liên quan đến chương trình giảng dạy (đặc biệt là các nghiên cứu xã hội).

Một nhân vật/ tác phẩm được đưa vào sử dụng làm ví dụ cần thỏa mãn được những tiêu chí về mặt nội dung cơ bản như: Văn hóa và Văn minh; Địa điểm và Môi trường; Quyền lực, Quyền hạn và Quản trị; Bản sắc và Phát triển Cá nhân; Thời gian, Tính liên tục và Sự thay đổi. Có rất ít họa sỹ mà cuộc đời lao động nghệ thuật của họ cho thấy mối quan hệ trực tiếp như vậy với các chủ đề này. Tranh chân dung và chân dung tự họa của Rembrandt nói lên bản sắc. Các tác phẩm lịch sử và kinh thánh của ông liên quan đến văn hóa, nền văn minh, tính liên tục và sự thay đổi. Trong tranh phong cảnh của ông, có thể thấy môi trường và địa điểm. Những chuỗi chủ đề này áp dụng cho toàn bộ nội dung tác phẩm của Rembrandt và cuộc đời của chính ông là một ví dụ điển hình cho việc tìm kiếm bản sắc cá nhân. [6] Tranh chân dung của Rembrandt có thể được phân tích như các cuốn tự truyện. Bằng việc phân tích các cuốn tự truyện của ông, sinh viên cũng tự soi chiếu bản thân mình. Kết quả là, mục tiêu

EDUCATION

tự đặt câu hỏi đã được hoàn thành, đồng thời người học được tiếp nhận những giá trị thẩm mỹ thông qua quá trình tiếp thu kiến thức đó.

2.2.2. Những kỹ năng tư duy phản biện cơ bản

Hầu hết các giảng viên ngành mỹ thuật đều sử dụng các kỹ năng tư duy phản biện một cách chủ động hoặc ngẫu nhiên, do đó cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng của cả việc biết những kỹ năng này và hiểu cách chúng được sử dụng trong quá trình giảng dạy. Khi sử dụng phương pháp kích thích thị giác (trong trường hợp này là tác phẩm của Rembrandt), cần đưa ra một tập hợp các kỹ năng có thể đặt dưới dạng câu hỏi giúp hướng dẫn sinh viên. Những kỹ năng này có thể trùng lặp với nhiều lý thuyết đã được nghiên cứu từ trước, vì vậy, theo thuyết Dao cạo Ockham, việc xây dựng khung hướng dẫn thực hiện các phương pháp càng đơn giản thì càng hiệu quả. [7]

Dựa trên quan điểm đó, nghiên cứu đề xuất các kỹ năng tư duy phản biện sau: Lắng nghe, Quan sát, Mô tả, So sánh, Tương phản, Suy luận, Phân tích, Dự đoán, Khái quát hóa, Tổng hợp, Kết luận, và Đánh giá. Những kỹ năng này bao gồm hầu hết các quá trình có ý thức liên quan đến học tập và suy nghĩ. Mặc dù một số không loại trừ lẫn nhau, việc sử dụng riêng lẻ và theo thứ tự vừa nêu mang lại hiệu quả lớn hơn. Ngoài ra, các câu hỏi có thể dễ dàng được đúc kết để phù hợp với từng loại kỹ năng này. Các câu hỏi được tạo ra cho mỗi loại có thể được áp dụng không chỉ cho một tác phẩm nghệ thuật thị giác cụ thể mà cho tất cả các hình ảnh thị giác khác được sử dụng trong lớp học.

Định nghĩa các thuật ngữ và cách chúng được sử dụng là một phần quan trọng của phương pháp luận để tránh những sự hiểu lầm về ngôn ngữ dẫn đến những sai sót không đáng có. Do vậy, đối với ví dụ mẫu này, các kỹ năng nên được sử dụng như được định nghĩa theo cách hiểu hẹp dưới đây:

- Lắng nghe là quá trình chủ động nhận thức, sắp xếp dữ liệu thông qua cơ chế thính giác.
- Quan sát là quá trình chủ động tìm kiếm, chú ý và ghi nhận điều gì đó một cách cẩn thận.
- Mô tả là một tập hợp của những thứ được nhìn thấy thông qua quan sát. Đặc biệt trong mối liên hệ với nghệ thuật thị giác, nó liên quan đến con người, đồ vật, vị trí, màu sắc, đường nét, hình dạng, kích thước tương đối, sáng/ tối, chuyển động và kết cấu.
- So sánh là quá trình thể hiện những điểm tương đồng.
- Tương phản là quá trình thể hiện sự khác biệt.
- Suy luận là hành động hoặc quá trình kết luận điều gì đó từ những gì được gợi ý hoặc ngụ ý.
- Phân tích là quá trình chia nhỏ mọi thứ thành nhiều phần, mục.

- Khái quát hóa là quá trình mà chân lý hoặc quy luật chung được rút ra từ một số trường hợp.

- Dự đoán là quá trình dự đoán những gì sẽ xảy ra trong tương lai.

- Tổng hợp là quá trình kết hợp các ý tưởng, đối tượng hoặc ảnh hưởng khác nhau thành một tổng thể mới.

- Kết luận là quá trình đi đến một kết thúc hoặc kết quả dựa trên các phán đoán logic.

- Đánh giá là quá trình xem xét một cái gì đó để đánh giá giá trị, chất lượng hoặc tầm quan trọng của nó.

2.2.3. Xây dựng ví dụ mẫu về tư duy phản biện

Để đưa ra một ví dụ mẫu, trước tiên cần chọn một yếu tố kích thích thị giác. Trong trường hợp này, nghiên cứu sẽ sử dụng bức tranh của Rembrandt Aristotle với bức tượng bán thân của Homer (Hình 1). Cũng như nhiều kiệt tác khác của Rembrandt, bức tranh này được vẽ dựa vào các mối liên hệ lịch sử. Phương pháp khơi gợi tư duy phản biện cho sinh viên thông qua phân tích bức tranh như sau:



Hình 1. Aristotle với bức tượng bán thân của Homer

- Tác phẩm sơn dầu trên toan được vẽ vào năm 1653 - Giảng viên đưa ra thông tin sơ lược về Rembrandt và mô tả thực tế của bức tranh. (Lắng nghe)

- Nhìn kỹ bức tranh. (Quan sát)

- Bạn thấy gì? (Mô tả)

- Tác phẩm này trông có giống bất cứ thứ gì bạn đã thấy trước đây không? Giải thích. (So sánh)

- Tác phẩm này trông khác với bất cứ thứ gì bạn đã thấy trước đây? Giải thích. (Tương phản)

- Bạn có nghĩ rằng họa sỹ đang cố gắng truyền đạt một ý nghĩa, cảm giác, hoặc nói với bạn điều gì đó không? Giải thích. (Suy luận)

- Bạn nghĩ chủ đề là gì, và bạn nghĩ tại sao họa sỹ lại chọn chủ đề này để vẽ? Giải thích. (Phân tích)

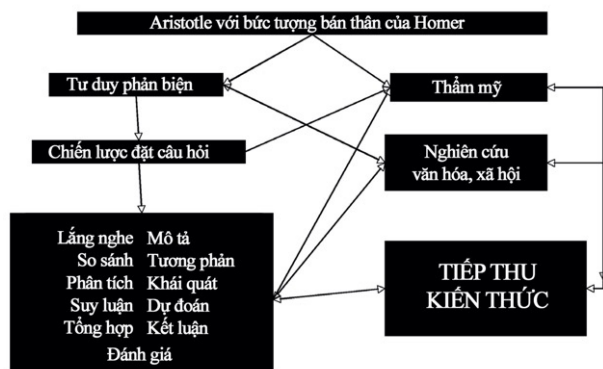
- Bạn có nghĩ rằng các họa sỹ khác cũng vẽ theo lối này không? Tại sao? (Tổng hợp)

- Bạn nghĩ chủ thể trong tranh sẽ làm gì tiếp theo? Tại sao? (Dự đoán)

EDUCATION

- Học sĩ đã vẽ bức tranh này bằng họa cụ gì, như thế nào? Tại sao? (Tổng hợp)
- Bạn nghĩ họa sĩ đang muốn truyền đạt điều gì? (Kết luận)
- Điều này có quan trọng không? Tại sao? (Đánh giá)

Ví dụ mẫu này đảm bảo tính đơn giản, dễ áp dụng, đồng thời bao gồm tất cả các kỹ năng tư duy phản biện đã đề cập ở mục trước. (Hình 2) Các câu trả lời là kết quả của những câu hỏi này có thể được mở rộng và có thể dẫn dắt sinh viên và giảng viên theo nhiều hướng khác nhau. Với sự sáng tạo, giảng viên có thể sử dụng các tác phẩm khác của Rembrandt hoặc các nghệ sĩ khác để nâng cao và xây dựng các kỹ năng tư duy phản biện này. Tất nhiên, những câu hỏi này có thể được thay đổi để phù hợp với một tác phẩm nghệ thuật cụ thể, mặc dù chúng phải được thiết kế để áp dụng cho từng kỹ năng. Một khi đã tổng hợp được các kỹ năng này, sinh viên có khả năng học các môn khác mà không cần đến yếu tố kích thích thị giác.



Hình 2. Sơ đồ các khái niệm thể hiện trong ví dụ mẫu

Việc sử dụng các kỹ năng hoặc phương pháp đặt câu hỏi cần được thực hiện lặp đi lặp lại theo đúng trình tự, trong các chương trình giảng dạy khác nhau và trong các bối cảnh khác nhau. Điều quan trọng là giảng viên phải có mục đích và sự hiểu biết đầy đủ về lý do sử dụng các kỹ năng này, chẳng hạn như mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà sinh viên cần đạt được sau một đồ án. Như vậy, giảng viên có thể đánh giá một cách định tính mức độ tiếp thu và sử dụng các kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên. Đây không phải là một quá trình đơn giản hay nhanh chóng, nhưng nó là một quá trình sẽ dẫn tới thành công cho người học bởi tính chủ động và linh hoạt.

3. Kết luận

Mặc dù cách tiếp cận của nghiên cứu có thể không mới, cũng như cách thức xây dựng ví dụ mẫu có thể chưa thật hoàn hảo, nhưng đây là một phương pháp mà các giảng viên có thể - đã và đang - sử dụng hiệu quả trong việc mở rộng khả năng tư duy phản biện cho sinh viên ngành mỹ thuật và thiết kế sáng tạo. Thông qua quá trình xác định, phân tích, suy luận và đánh giá, kỹ năng tư duy phản biện không chỉ giúp

sinh viên khám phá kiến thức một cách chủ động, sâu rộng mà quan trọng hơn, đó là sự linh hoạt kiến thức một cách sáng tạo, có chọn lọc, có giá trị; bên cạnh đó, khắc phục được cơ bản những nhược điểm điển hình của sinh viên ngành mỹ thuật, rèn được thói quen nhìn nhận, đánh giá vấn đề không theo cảm tính duy lý. Đây chính là một công cụ tư duy không thể thiếu để sinh viên thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường bên ngoài, giải quyết linh hoạt các nhiệm vụ đặt ra trong thực tiễn cuộc sống và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với những giá trị cá nhân vốn có.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Borg, W. R. (1952), *Đặc điểm tính cách của nhóm sinh viên ngành nghệ thuật*, *Tạp chí Tâm lý Giáo dục*, 43(3), trang 149-156.
2. Michael Scriven - Richard Paul (1987), "Định nghĩa Tư duy Phản biện", *Hội nghị Quốc tế Thường niên lần thứ 8 về Tư duy Phản biện và Tái cấu trúc Giáo dục*, <https://www.criticalthinking.org/pages/defining-critical-thinking/766> (truy cập 08/03/2022).
3. Mark, S. Conn (2008), *Nghệ thuật của Rembrandt: Một hình mẫu cho Tư duy Phản biện và Thẩm mỹ*, *Tạp chí Giáo dục Thẩm mỹ*, số 42, kỳ 2, 2008, trang 68-82. NXB Đại học Illinois.
4. Hagaman, Sally (1990), "Thẩm mỹ trong Giáo dục Nghệ thuật: Hướng triển khai", *ERIC Digest ED3320401*, <http://www.ericdigests.org/pre-9219/art.htm> (truy cập 25/03/2022).
5. Harry S. Broudy (1994), *Giác ngộ: Bài luận về Giáo dục Thẩm mỹ* (1972; in lại: Urbana, NXB Đại học Illinois, 1994), chương 4.
6. Jonathan Janson (2006), *Rembrandt, Cuộc đời, Tác phẩm, Dấu ấn và Chân dung tự họa*, http://www.rembrandtpainting.net/Rembrandt_self_portraits.htm (truy cập 20/03/2022).
7. Roger Ariew (1976), *Dao tạo Ockham: Phân tích Lịch sử và Triết học Quy tắc Loại trừ của Ockham*, Champaign-Urbana, Đại học Illinois.